

7. Khanh hãm nhược đối táo, chủ nhân tật, tà sự đa đoan.

- Hãm hổ đối diện với bếp, chủ về bệnh mắt, sinh ra nhiều tà quái.

8. Táo hậu phòng tiền, tai họa liên miên.

- Đặt buồng (của vợ chồng) trước bếp, sẽ gặp tai họa liên miên.

9. Táo hậu phòng khanh, tuyệt tự cô quả.

- Bếp để phía sau buồng và hãm, bị tuyệt tự cô quả.

10. Tỉnh táo tương liên, cô sứt bất hiện.

- Giếng và bếp đối diện nhau, mẹ chồng nàng dâu không đạo đức.

11. Táo tại Mão phương, mạng phụ yếu vong.

- Đặt bếp vào cung Mão, bậc mạng phụ bị chết non.

12. Táo tại Cấn biên, gia đạo bất yên.

- Bếp ở cung Cấn, gia đạo không bền lâu được.

13. Táo tại hậu đầu, dương tử bất thân.

- Bếp ở đầu giường, con trai khó dạy

§ Ngoài ra còn kỵ :

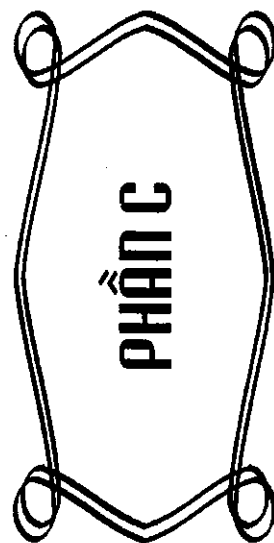
- Đối diện với bếp không nên để cửa sổ hoặc cửa ra vào.
- Dưới bếp không nên đặt cống thoát nước ngầm. (Bệnh hô hấp)
- Trước bếp không nên làm cầu tiêu, buồng tắm.
- Bồn rửa chén đặt gần bếp phải có vách ngăn.
- Đòn tay, xà nhà không nên đâm thẳng vào bếp.

- Không nên đặt bếp lên hầm cầu tiêu cũ.
- Không nên để ngoài sân, ngoài đường nhìn thấy bếp.
- Không đặt bếp ở nửa phần đầu, cửa căn nhà.
- Bếp đối diện giường gà, heo (thị phi, tử sắc)
- Trước bếp không nên để cối giã gạo

LINH QUANG BẢO ĐIỆN

www.buangai.vn

DD:0918.64.64.96-0938.64.64.96



PHẤN C

SỰ ỨNG NGHIỆM HỌA PHÚC CỦA 64 KIỂU BẾP

Ở phần trước đã nói sự ứng nghiệm tốt xấu của mỗi kiểu Bếp tùy theo mỗi kiểu Nhà, nay còn thêm phần này nữa cũng để nói sự ứng nghiệm họa phúc của 64 kiểu Bếp, như vậy có phải là làm một việc thừa chăng ? Không phải thừa, vì hai chỗ làm có khác nhau. Vì ở phần trước nói sự ứng nghiệm của mỗi Bếp đối với cả CỬA cùng CHỦ, nhưng chỉ nói đại khái vài việc hung kiết đối bên để so sánh một cách khái quát mà thôi. Còn ở phần này có khác, nói rõ, nói đầy đủ và chuyên nói sự ứng nghiệm của những họa phúc cùng bệnh hoạn do mỗi Bếp đối với mỗi Cửa mà không đề cập tới Chủ. Nhưng tại sao không đề cập tới Chủ như ở phần trước? – Tại vì do CỬA mà tính ra BẾP là chỗ chính lý, chỗ không hề do CHỦ mà tính ra BẾP. Vậy nếu không có phần này nữa thì không được biết đầy đủ tính chất căn bản của mỗi Bếp sinh ra mọi việc hung kiết, để còn kinh nghiệm và xét đoán sâu xa hơn, ngoài khuôn khổ của sách vở.

Bếp số 1 - Bếp KIẾN phối với Cửa KIẾN

(Đây là Bếp phục vị, một thất vị, ở Kinh Dịch là quê Bát trạch Kiên)

- Bếp KIẾN phối với cửa KIẾN là hai kim tỷ hòa át tiền tài và sản nghiệp hưng phát, khiến cho nhà giàu có lớn. Nhưng vì Kiên gặp Kiên là tượng hai ông ở chung một nhà, tức thuần dương mà không có âm át tổn hại vợ con, cưới thì thiếp nhiều lần, rất bất lợi cho con cháu nhánh trưởng, trưởng nam và trưởng nữ (Bởi Kiên kim tất khắc Chấn Tốn Mộc là trưởng nam, trưởng nữ).

- *Lại có lời đoán như sau:* Quê Kiên thuần dương, trước lành sau dữ, chôn vợ hại con gái. Có dương mà không âm thường sinh cô quạnh, bị thương. Huynh đệ chung nhà mà chẳng sinh được con cháu để thừa tự.

PHẦN QUAN BẾP SỐ 2 - Bếp KIẾN phối với Cửa KHÂM

(Đây là Bếp Chấn Tốn ở Kinh Dịch là quê Thiên Thủy Tụng)

- Bếp KIẾN kim bị cửa KHÂM thủy tiết khí lại là thuần dương không sinh hóa được, khiến cho lão ông cùng phụ nữ đoán thọ, tổn hao khí lực, trung nam bất lợi, sinh các chứng bệnh thủy cổ (bụng chứa đầy nước) và thổ tả (ỉa mửa), nữ nhân huyết khí băng lậu, đàm cuồng kinh sợ, tổn thất lực sức, tiểu nhi khó nuôi dưỡng.

- *Lại có lời đoán theo quê Tụng như sau:* Quê Tụng tổn hại âm (dương thịnh, âm suy), sinh nhiều bệnh hoạn, nam nữ mệnh tinh, trốn lánh, xót mắt, cha con chẳng hoà mà phân ly. Hãy gấp dời Bếp lại chỗ tốt.

Bếp số 3 - Bếp KIẾN phối với Cửa CÀN

(Đây là Bếp Thiên Y đắc vị (kiết), ở Kinh Dịch là quê Thiên Sơn Độn)

- Bếp KIẾN phối với cửa CÀN là Kim với Thổ tương sinh, lại Thiên Y thổ lâm Kiên Kim là kết du niên đắc vị: ruộng vườn cùng của cải đều thịnh mậu, công danh rất hiển đạt, cha hiền từ con hiếu để, con cháu nhanh nhẩu hưng vượng, nam nữ đều ưa làm việc lành. Nhưng vì Kiên với Càn thuần dương tất thắng hại âm suy cho nên phụ nữ chết sớm, về sau lâu ắt không con thừa tự (ắt phải nuôi con nuôi nối dõi tông đường).

- *Lại có lời đoán về quê Độn như sau:* Quê Độn, con cháu hiếu để và thuận hòa, tài sản và lộc sức gia tăng, mỗi năm mỗi thêm phú quý và ruộng nương tấn phát. Nhưng dùng Bếp này lâu năm thì sẽ không khỏi cô độc.

Bếp số 4 - Bếp KIẾN phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Ngũ quý (đại hung), ở Kinh Dịch là quê Thiên Lôi Vô vọng)

- Bếp KIẾN kim khắc cửa CHẤN Mộc, lại là Bếp Ngũ quý hung hại hơn tất cả các Bếp hung khác. Nó khiến cho cha con bất hoà, làm tổn hại trưởng tử cùng trưởng tôn (con cả cháu cả), âm nhân và ông cha mang bệnh ho tới chết, con gái nhỏ cũng chẳng còn, khí đồn làm tức lối dôi hông, bệnh kết chứa hòn cục công phạt tim, cổ họng nghẹn hơi, gân cốt đau nhức, ho ra máu, các loại ghê độc, có người bị bất đắc kỳ tử, trộm cướp, tai họa quan phi, tổn hao lực sức, tà ma vào nhà. Dùng cái Bếp này trong 4 hay 5 năm ắt xảy đến các tai họa đã kể.

- *Lại có lời đoán cho quẻ Vô vọng như sau:* Quẻ Vô vọng thuần dương tất hại âm, con cả bị khắc hại chẳng thể sống (*Chấn thuộc con trai cả bị Kiền khắc*), tà ma cùng các chuyên hung nguy đến nhiều loạn bất ngờ, nhất định làm hại người, tổn hao của cải.

Bếp số 5 - Bếp KIẾN phối với Cửa TỐN

(*Đây là Bếp Họa hại (hung táo), ở Kinh Dịch là quẻ Thiên Phong Cấn*)

- Bếp KIẾN phối của TỐN là Kim với Mộc hành chiến nhau, khiến cho hàng trưởng phụ (*phụ nữ lớn*) sinh đẻ chết. Người trong nhà hay mắc bệnh phong, có người gieo giống, thất cổ, khí trệ động khiến cho hồng, tim, mộng đau nhức.

- *Lại còn lời đoán theo quẻ Cấn như sau:* Quẻ Cấn âm nhân khổ chết, ông cha mê hầu thiếp, phụ nữ tà dâm, sinh các chứng bệnh phong, đại khái những việc hự hổng.

Bếp số 6 - Bếp KIẾN phối với Cửa LY

(*Đây là Bếp Tuyệt mệnh (đại hung), ở Kinh Dịch là quẻ Thiên Hoả Đồng Nhân*)

- Cửa LY Hỏa khắc vào Bếp KIẾN Kim khiến kinh sợ cho bên trong. Lại Tuyệt mệnh lâm Kiền là cái Bếp sinh nhiều tai hại: Ông cha mang bệnh ho đến chết, trung nữ sinh đẻ tử vong, con cháu nhánh trưởng (*anh cả, chị cả*) bất lợi. Người trong nhà bị các chứng bệnh: ho lao, tê bại, nung huyết mủ, tim đau, mất tật. Nhà có bếp này sẽ bị tổn hại bởi các vụ máu lửa, giấy tờ quan tụng, lửa cháy, trộm cướp, cô quả, bại tuyệt, tiểu nhi bị tổn thương.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Đồng Nhân như sau:* Quẻ Đồng Nhân ông cha ho bệnh tới chết, hư thai hại trẻ, gặp hạn đầu quân, nhiễm bệnh huyền dẫn (*da vàng*), ôn dịch chết chôn, người khổ vì các sự việc bại tuyệt hung hại một cách quái gở.

Bếp số 7- Bếp KIẾN phối với Cửa KHÔN

(*Đây là Bếp Diên niên Đẳng diên, ở Kinh Dịch là quẻ Thiên Địa Bi*)

- Cửa KHÔN âm thổ sinh vào Bếp KIẾN dương kim là ngoài sinh vào trong có đủ âm dương chính phối làm thành Bếp Diên niên Đẳng diên thật là một cái Bếp tốt kể chẳng cùng: trong gia đình người trên kẻ dưới đều thuận hòa mà nhân nghĩa, sản nghiệp phong phú, nhân khẩu thêm đông, lực sức càng thịnh vượng... Nhà có được cái Bếp này ở tới 4 hay 5 năm thì phát lớn, gặp các năm Tỵ, Dậu, Sửu tất ứng hiện điềm tốt lành. (*Bởi Diên niên kim gặp Tỵ, Dậu, Sửu là kim cục thì vượng khí. Và loại Kim như Diên niên và Kiên Đoài đều ứng vào số 4, còn loại Thổ như Cấn Khôn ứng vào số 5*).

- *Lại còn thêm lời đoán như sau:* Diên niên tức thị Vũ Khúc kim tinh đối với Kiền Kim là vượng khí (*ry hòa*), đối với Khôn Thổ là tướng khí (*tương sinh*), Tướng khí thì thêm tiền của, giàu có muôn xe. Đây là một cái bếp tốt xuất sắc, mọi sự việc vui mừng, cha mẹ song thọ hưởng phúc lành, con gái anh thư hiền thực, trai hào kết có thế lực vang danh, mười năm đèn sách nên văn hiến sánh bậc đại phu, khí lành (*thuy khí*) đón cửa, trăm điều ứng bưng, phú quý vinh hoa, bốn bề đồn rân.

Bếp số 8 - Bếp KIẾN phối với Cửa ĐOÀI

(Ở Bát Trạch là Bếp Sinh khí thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Thiên Trạch Li)

- Bếp KIẾN phối với cửa ĐOÀI là hai Kim tỷ hòa sinh ra vượng khí: tiền bạc chất rương, ngũ cốc đầy kho lẫm, con cháu thông minh mẫn tuệ, phụ nữ mỹ lệ, lăm vợ mê hầu, hầu thiếp sinh nhiều con.

- **Lại còn lời đoán theo quẻ Lý như sau:** Quẻ Thiên Trạch Lý giàu sang, có thế lực mạnh mẽ, sinh 5 con về vang (Sinh khí thuộc mộc ứng số 5). Nhưng tổn hại vợ cả mà yêu mê vợ thứ, chỉ vì cha ông phối hợp gái tơ (Kiến thuộc cha và ông lão, Đoài thuộc thiếu nữ).

LINH QUANG BẢO ĐỘ
 www.sph.com.vn
 ĐD: 0918.64.64.66

(Ở Bát Trạch là Bếp Phục vị đắc vị,
 ở Kinh Dịch là quẻ Bát Thuần Khảm)

- Bếp KHẢM phối cửa KHẢM hai thủy tỷ hoà thừa Phục vị mộc lăm Khảm thủy tương sinh đắc vị. Cho nên: tiền tài rất phú hậu, sản nghiệp hưng long. Đó là sơ niên rất tốt như vậy, thuận lợi như vậy. Nhưng vì hai Khảm thuần dương thiếu âm tất nam nữ đoán thọ, về sau lâu số nhân đinh thừa (bớt) dần dần, những bệnh sẽ xảy đến là sưng phù da thịt, bệnh thủy trưởng, sa thai (lột con), bạch đới, sán khí (sưng dái), băng lậu.

- **Lại còn lời đoán cho quẻ KHẢM như sau:** Quẻ Bát Thuần Khảm 9 năm lợi lộc, bọn trung nam kiêu ngạo, khoe khoang, hoang dâm, phóng dăng, lăm tổn hại vợ con.

Bếp số 10 - Bếp KHÂM phối với Cửa CẤN

(Ở Bát Trạch là Bếp Ngũ quý (đại hung),
 ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Sơn Kiền)

- Cửa CẤN khắc Bếp KHÂM là ngoài khắc vào rất hại cho bên trong, trung nam bệnh chết (Khâm thuộc trung nam). Lại là bếp Ngũ quý nguy hại hơn các Bếp hung khác, tiểu nhi thọ thương vì ngực bụng tích chứa hàn cục, huynh đệ phân cách, vợ chồng ly dị, sinh đẻ nguy, kinh nguyệt bế tắc, thất sở trầm sông, tai nạn phỏng cháy, trộm cướp, quan pháp nhiều nhương.

- **Lại còn lời đoán về quẻ Kiển như sau:** Than ôi quẻ Kiển: Nào là bệnh phù thũng (da thịt sưng phù lên), bệnh da vàng bạch, nào là bệnh trĩ, bệnh điên cuồng, nào là điếc lác, ngong nghiu... Thương thay cho gia bại nhân vong, thân mệnh trôi dạt khốn cùng.

Bếp số 11 - Bếp KHÂM phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Thiên y thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Lôi Truân)

- Bếp KHÂM phối cửa CHẤN được cách Thủy Mộc tương sinh và là Bếp Thiên Y, cái Bếp phú quý cực phẩm (đẳng cấp cao). Sơ niên sinh 3 con, gia đình hoà thuận, phúc lộc thịnh phát, vẻ vang. Nhưng bởi Khâm với Chấn thuần dương tất lăm bất lợi, cho âm, về lâu sau phụ nữ chết sớm, số nhân khẩu chẳng thêm.

- **Lại còn lời đoán theo quẻ Truân như sau:** Quẻ Truân định chắc lăm phú ông (nhà giàu), con cháu tài trí hơn người: khoa cử đỗ đầu, chiếm giải Trạng nguyên, được vua yêu mến và ban ân. Phúc tự trời cho, sinh 3 con trai.

Bếp số 12- Bếp KHÂM phối với Cửa TÔN

(Đây là Bếp Sinh khí đắc vị, ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Phong Tỉnh)

- Bếp KHÂM dương thủy phối cửa TÔN âm Mộc được cách âm dương Thủy Mộc tương sinh và là Bếp sinh khí đắc vị tức thị Tham lang Mộc tính được ngôi, cho nên: sinh 5 trai anh hùng, ruộng nương cùng tiền của đều phong thịnh, khoa cử đậu liên tiếp, nam thông minh, nữ tuần tú, lục súc hưng vượng... Thật là một cái Bếp đại kiết vậy.

- Lại còn lời đoán theo quẻ Tỉnh như sau: Quẻ Tỉnh, cây gặp nước, âm dương phối hợp, con cháu rất hưng long, ruộng nương

QUANG
MINH
TRADING
CO., LTD
www.buanguoi.vn

ĐD: 0918.64.64.99-0938.64.64.99

Bếp số 13- Bếp KHÂM phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Diên niên đắc vị, ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Hoả Kỳ Tế)

- Bếp KHÂM hợp với cửa LY, âm dương chính phối, là được Bếp Diên niên đắc vị, tức thị Vũ khúc kim tinh đăng ngôi, cho nên: phú quý song toàn, nhân đinh càng thêm rất đông. Nhưng vì Khảm Thủy khắc Ly hỏa mà về sau trung nữ đoán thọ, sinh ra bệnh đau tim, đau mắt (Bởi Ly bị khắc và Ly thuộc trung nữ, thuộc tim, mắt).

- Lại còn lời đoán theo quẻ Kỳ Tế như sau: Quẻ Kỳ Tế, có thành chỗ không có hại. Tuy tương khắc mà âm dương cái phối, trời cho thịnh vượng gia tài, nam nữ đều có phúc và trường thọ. Bất quá là buồn sầu vì mắt bị bệnh tật vậy thôi, nhưng ở nhằm hưng trạch mắt có thể mù.

(Chú ý: Trên nói trung nữ đoán thọ vì LY bị khắc, dưới lại nói nam nữ đều trường thọ vì Diên niên có nghĩa là sống lâu, ảnh hưởng cho cả Khảm Ly. Hãy suy luận và rút kinh nghiệm).

Bếp số 14 - Bếp KHÂM phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh (tại hung), ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Địa Tỷ)

- Cửa KHÔN khắc Bếp KHÂM là ngoài khắc vào trong, tai họa nặng và đến mau. Lại là Bếp Tuyệt mệnh rất dữ: gây hại cho hàng trung nam (Khảm bị khắc). Sinh nhiều chứng bệnh như phong cuồng, điếc lác, cảm ngong, bệnh phù thũng, da vàng thủy trưởng (bụng chứa đầy nước), cổ họng nghẹt hơi, kinh nguyệt phụ nữ chẳng thông hoạt, các chứng hư lao.

- Lại có lời đoán theo quẻ Tỷ như sau: Quẻ Tỷ, dâm dương, lột thai, nhân mạng tự ái (treo cổ), trầm sông, dâm chém, phá tán tiền của, các họa hoạn đến cấp kỳ. Bất quá sinh được một con là may.

Bếp số 15 - Bếp KHÂM phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Họa hại (hung), ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Trạch Tiết)

- Bếp KHÂM bị cửa ĐOÀI làm hao tổn khí lực cho nên sự tổn hại ứng vào hạng trung nam. Bếp Khảm thủy thừa Hỏa hại thổ là hung tinh khắc cung, con cháu lâm cảnh bại tuyệt, sinh non hoặc thai băng, các bệnh thũng, cổ trướng, di tinh, thổ huyết.

- Lại có lời đoán theo quẻ Tiết như sau: Quẻ Tiết sinh ma chướng độc hại người, tán tài, kiên tung, bị trộm cướp, những vụ hèn hò dâm bôn, trốn chạy.

Bếp số 16 - Bếp KHẨM phối với Cửa KIẾN

(Đây là Bếp Lục sát (hung), ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Thiên Nhu)

- Bếp KHẨM Thủy thừa Lục sát cũng Thủy: Thủy nhiều tất ưa đầm, lại còn thêm có cửa KIẾN Kim tiếp sinh Thủy nữa là quá độ, khiến cho cha ông (Kiến) vì khô tinh, kiệt sức mà chết, trung tử là hàng con giữa (Khảm) vì vụ đầm mà chạy trốn, phụ nữ đoán thọ, sinh non, băng huyết, bệnh thủy trưởng, phù thũng, mộng tinh, tà dâm, trong nhà bất loạn và ô trọc.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Nhu như sau:* Quẻ Nhu tiểu nhi khó nuôi, con cháu ngộ nghịch mà ngu ngoan (vô tri thức), trai thì ở vậy (không lấy vợ), phụ nữ thì góa bụa cam chịu cô tẻ lạnh lòng... Lạc Khảm với Kiến thuần dương tất hại âm, sinh tật bệnh và nhiều điều bất lợi.

Bếp số 17 - Bếp CÁN phối với Cửa CÁN

(Đây là Bếp Phục vị mộc thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Bát Thuần Cấn)

- Bếp CÁN phối cửa CÁN là hai Thổ chồng chất lên thành núi, sơ niên cũng được thuận lợi khá giả. Song vì thuần dương thừa phục vị Mộc thất vị (Phục vị với Cấn tương khắc), sinh lắm tật, trẻ con mạng sống không toàn, phụ nữ đoán thọ. Về sau vì sự ăn uống mà sinh bệnh thũng da vàng, bụng bành trưởng to lên, lòng không vui.

- *Lại còn lời đoán theo quẻ Cấn như sau:* Quẻ Bát Thuần Cấn, tiền tài tấn tới thêm, người khác họ hoặc nghĩa tử (con nuôi) ở chung nhà. Dương thắng âm phải suy cho nên âm nhân (nữ) tật bệnh, bất lợi.

Bếp số 18 - Bếp CÁN phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Lục sát (hung táo), ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Lôi Di)

- Cửa CHẤN Mộc khắc vào Bếp CÁN Thổ là ngoài khắc vào trong, tai họa đến cấp kỳ, lại thừa Lục sát là hung táo, khiến cho trẻ con chẳng an, sinh bị tật (ngực bụng chứa vật) lá lách hư, bao tử lạnh, trụy thai, vợ con bị tổn hại. Và vì thuần dương chẳng trưởng tấn, lâu năm tuyệt tự, khốn cùng.

- *Lại còn lời đoán theo quẻ Di như sau:* Quẻ Di không giữ gìn được gia thất, sinh ra những chuyện khoét tường nhòm ngó, phân cách chia ly... Lại bệnh vàng da, do ăn uống mà đau tỷ vị, thường không khỏi chết. Phá bại sản nghiệp và chẳng có con trai nối dòng là hai điều không tránh được.

Bếp số 19 - Bếp CÁN phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh (đại hung), ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Phong Cốc)

- Cửa TỐN âm Mộc khắc Bếp CÁN dương Thổ là từ ngoài khắc vào trong và là âm khắc dương: chồng và con trai bị tổn hại nặng. Lại là Bếp Tuyệt mệnh rất hung và bởi âm thắng dương cho nên đàn bà góa nắm quyền, con nuôi chưởng quản gia đình, về sau lâu ắt sẽ có tới ba đời hoặc ba người tuyệt tự. Mộc với Thổ tương khắc nên sinh ra các chứng bệnh kinh phong, tê bại, bệnh lá lách, phù thũng, vàng da.

- *Lại còn lời đoán cho quẻ Cốc như sau:* Quẻ Cốc, tiểu nhi bất hòa, phụ nữ gây xấu tổn thương, tuyệt tự, phá gia, tai ương bất ngờ không biết từ đâu đến (ngoài khắc trong).

Bếp số 20 - Bếp CÁN phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Hỏa hại (hung tảo), ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Hỏa Bi.)

- Cửa LY thuộc Hỏa, Bếp CÁN thuộc Thổ, lửa nóng đốt đất phải khô rồi lửa sẽ tàn lụi. Phụ nữ tính cương bạo làm khiếp sợ nam nhân. Trước tổn hại thiếu nam (Cán), sau tổn hại trung nữ (LY). Phụ nữ lộng quyền, con cháu vì vụ dâm bôn mà trốn tránh, tiểu nhi mang bệnh (bụng ngực chứa hòn cục), mất mùa tai diếc, ngọng nghịu, phong cùi, tàn tật, bệnh lao. Lại xảy ra các việc tà ma. Lửa phình, sự hại đến bất ngờ. Tuy cũng có chút ít gia tài nhưng vợ chồng trái ý nhau, không cùng quan niệm.

(Chú ý: Bếp CÁN với cửa LY tương sinh nhưng tại sao lại luận đoán rất nhiều tổn hại như trên? Đó là bởi tương sinh nhưng biến sinh Hỏa hại là hung du niên. Như Khôn với LY hay Kiền với Khảm cũng tương sinh nhưng vì sinh biến ra Lục sát là hung du niên tất vẫn gây tai họa. Trái lại là LY với Khảm tương khắc nhưng biến sinh ra Diên niên là Kiết du niên cho nên vẫn luận đoán tốt).

- **Lại còn lời đoán theo quẻ BI như sau:** Quẻ BI, người chia ly, tiền của tiêu tán. Nữ nhân trôi dạt tha hương làm các việc thối tha bị dồn dây lên tiếng xấu, trong 8 năm sẽ chết hoặc trốn đi biệt tích. Hai hạng tôn ti (cao thấp) và lớn nhỏ không chịu đựng nổi với nhau mà sinh rối loạn trong gia đình.

Bếp số 21 - Bếp CÁN phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Sinh khí thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Địa Bác.)

- Bếp CÁN dương Thổ phối với cửa KHÔN âm Thổ, đất chồng lên đất cao thành núi, lại là tượng mẹ gặp con vui lòng

thỏa dạ, gia nghiệp hưng tiến, con gái con trai đông đủ mà đàng hoàng, hay lay Phật, tụng kinh và ưa làm việc lành. Nhưng lâu năm rồi Bếp này lại khiến cho tỳ vị suy nhược, ăn mất ngon, bụng đau, da vàng bệch (Cán Khôn là âm dương tỳ hòa Thổ ứng như Thiên y Thổ: hay niệm Phật làm lành. Thổ thuộc về tỳ vị bị Sinh khí mộc khắc cho nên tỳ vị suy nhược khiến ăn chẳng ngon... Bếp Sinh khí đáng lẽ rất tốt, nhưng bởi Sinh khí Mộc thất vị, khắc Cán Khôn, tình khắc cung: bất tốt.)

- **Lại còn lời đoán theo quẻ BÁC như sau:** Quẻ BÁC, lưỡng Thổ thành sơn, vàng bạc của cải chất thành đống, con thuận theo mẹ vừa lòng đẹp ý. Thiên tâm quá, thương con nhỏ.

Bếp số 22 - Bếp CÁN phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Diên niên đắc vị, ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Trạch Tồn.)

- Bếp CÁN dương Thổ phối cửa ĐOÀI âm Kim: thổ với Kim tương sinh, âm với dương chính phối, đều là những tượng lý tốt đẹp. Bếp CÁN Thổ thừa Diệp niên Kim tương sinh đắc vị: gia tài đại phát, công danh vinh hiển, phụ nữ hiền lương, sinh 4 con trai, con quý cháu hiền. Cẩn thuộc thiếu nam, Đoài thuộc thiếu nữ, phối kết nhau thật là xứng hợp, một cái Bếp hoàn toàn tốt.

- **Lại còn lời đoán theo quẻ TỒN như sau:** Quẻ TỒN, thiếu nam và thiếu nữ phối kết nhau như loạn phụng hòa minh, hỷ khí tràn vào cửa, hòa khí xông đầy nhà, cha mẹ sống lâu như núi, con gái con trai đầy đủ mà có tiếng thơm tho như rau quế, nhờ bút mực nên danh lớn (thi đỗ bằng cao), nhờ vũ dũng tiếng vang rền như gió sấm an trấn ngoài biên cương, hiếu nghĩa trung lương tính vốn sẵn, ngũ cốc đầy kho mấy kẻ bằng.

Bếp số 23 - Bếp CÁN phổi với Cửa KIẾN

(Đây là Bếp Thiên y dâng diện,
ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Thiên Đại Húc)

- Bép CÁN Thổ thừa Thiên y cũng Thổ là kết du niên tỳ hòa đăng điện, rất tốt. Bép CÁN phối của KIỀN Kim tương sinh, là tượng con xu phục theo cha, cha hiền lương con hiếu thảo, gia đình sáng chói, hưng thịnh, phát phú, hay đi chùa lễ Phật tụng kinh và làm việc phúc thiện. Nhưng vì CÁN với KIỀN thuận dương không có âm cho nên con cháu nhánh trưởng bất lợi, và dùng Bép này lâu năm ắt sẽ tổn hại vợ con (Bép Thiên y vốn thuận âm hoặc thuận dương chỉ tốt ở lúc đầu mà về sau lâu không tốt vì vậy).

LÍNH QUÂN BẮC ĐÌNH

(Bép Khảm con Kị kỵ hoặc Bép Sinh khí (Bép Đồi của Kiên) là Đàng Bắ đầ 84 từ âm dương, phát đạt bên).

- Lại còn lời đoán theo quẻ Đại súc như sau: Quẻ Đại súc, Cấn phối với Kiền là Thổ với Kim tương sinh, nhà giàu có to, cha với con rất mực thuận hòa. Đây là cái nhà có phúc đức cho nên con cháu hưng gia lập nghiệp. Duy hiểm Cấn Khôn toàn là cung đường, dương nhiều thì dương thắng mà âm phải suy. Phàm âm suy thì hàng phụ nữ và trẻ con ở thế thua kém, hay bị tật bệnh.

Bếp số 24 - Bếp CÁN phổi với Cửa KHÀM

(Đây là Bêp Ngũ quý (đại hung),
ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Thủy Môn).

- Bếp CẤN Thổ khắc của KHẨM Thủy và là Bếp Ngũ quý hung tợn: Có lăm chuyên kỳ quái luôn lọt vào nhà, hàng trung

nam bị tổn hại, trẻ con cũng chẳng yên lành, âm nhân đoán thọ, con cháu ngỗ nghịch, quan tụng làm khốn khổ, tai họa về lửa (phóng cháy), trộm cướp và ma quỷ làm loạn.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Mông như sau:* Quẻ Mông làm thường tổn trung nam và con trẻ, vì rơi nước hay treo cổ mà vong mạng, trong nhà chẳng thuận hòa, con cái làm việc trái lẽ, những chuyện quái gở do thủy thần thao túng.

Bếp số 25 - Bếp CHẨN phối với Cửa CHẨN

(Đây là Bếp Phục vụ dân diện,
ở Kinh Dịch là quê Bát Thuần Chấn)

- Bếp CHẤN Mộc phối của CHẤN Mộc là hình tượng hai cây cùng trồng lên, lại thừa Phục Mộc đang diện khá tốt, tài bạch có dư, công danh có lợi, mọi sự việc do trưởng nam dùng sự và chủ động, nhưng hàng trưởng thượng thì phát đạt mà bọn nhỏ suy bại. Mộc gặp Mộc thì vượng khí, nhưng Mộc vượng tất khắc được Thổ là Khôn Cấn, cho nên phụ nữ chết yếu, tiểu nhi khó nuôi, con cái ngu đần và ngang ngạnh... Tóm lại, dùng Bếp này sơ niên cũng tốt lắm, nhưng vì thuần dương chẳng sinh hóa được: về sau không có con thừa tự.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Thuần Chấn như sau:* Lưỡng Mộc thành lâm, như rừng cây tốt, gia đình mỹ mạo, tiền bạc và vật lựa hưng long. Tuy nhiên, bậc lớn hưng tiến mà hàng con cái nhỏ gặp nhiều cảnh ngộ khốn cùng, nữ nhân thường bệnh hoạn.

Bếp số 26 - Bếp CHẤN phối với Cửa TÓN

(Đây là Bếp Diên niên thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Phong Hằng)

- Bếp CHẤN dưỡng Mộc phối cửa TÓN âm Mộc, lương Mộc thành lâm, âm dương toại hợp, gọi là Đông trù đắc vị (Bếp Đông được ngôi), phú quý song toàn, công danh đại lợi, điển sản hưng tiến, trưởng nam, trưởng nữ, chính phối hòa thuận, con quý hiển, cháu hiền lương, thi đỗ liên miên, anh em đều phát đạt.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Hằng như sau:* Quẻ Hằng, hai Mộc rất ư là thịnh mậu, năm tháng ngày giờ đều có những sự tốt mới mẻ, quan cao chức cả, gọi thăm ân trên, thật là vinh hạnh. Cũng gọi là cái Bếp của các bậc lớn.

Bếp số 27- Bếp CHẤN phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Sinh khí đặng điện,
ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Hỏa Phong)

- Bếp CHẤN dưỡng Mộc phối cửa LY âm Hỏa, Mộc Hỏa thông minh, âm dương toại hợp, nhà có Bếp này phải được phú quý chẳng sai. Sinh khí Mộc lâm Chấn Mộc tử hòa đặng điện, gọi nó là Đông trù Tứ mệnh, tướng Thanh Long nhập trạch, đệ nhất tốt: phụ nữ làm nên nhà, điển sản có thêm, người người tài năng thanh tú, cử nhân tiến sĩ liên khoa.

- *Lại có lời đoán như sau:* Bếp Chấn mừng đặng Tham lang đăng điện (Sinh khí tức Tham lang Mộc tinh), đó là rồng tiên tới cửa nhà bạc, danh vang dội như sấm; vận lên như sóng nước lên,

khoa danh cầm chắc, tiền của và trân bửu tới nơi như mây lành tụ lại, ân trên ban dầm dẫm vũ lộ, không có ý cầu mà được phú quý, những vinh hạnh tự nó dồn tới cho mình.

Bếp số 28 - Bếp CHẤN phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Hỏa hại (hung), ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Địa Dư)

- Bếp CHẤN Mộc khắc cửa KHÔN Thổ là Bếp Hỏa hại, trước hại mẹ già, sau hại hàng con cháu trưởng bệnh hoạn. Mẹ con chẳng hòa. Người hay bị các chứng bệnh: da mặt vàng khè, thân thể gầy xấu, họng ăn nhiễm trùng, phong điên, lao dịch, tổn thương vì sinh đẻ. Lại bị miệng tiếng đồn xấu xa, tai họa về quan làng. Con người, lục súc và điền sản đều bị thoái hóa.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Dư như sau:* Quẻ Dư: gia tài hao tán, âm nhân tật bệnh và làm cản bậy (khùng khịu). Lão mẫu, gia trưởng cháu Diêm vương. Cốt nhục cừu khích và chia ly.

Bếp số 29 - Bếp CHẤN phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh (đại hung),
ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Trạch Qui Muội)

- Bếp CHẤN phối cửa ĐOÀI là Mộc với Kim hình chiến nhau mà tạo thành Bếp Tuyệt mệnh gây thương tổn cho hàng con cháu trưởng, trưởng phụ, trưởng nữ. Nam nhân thì tuyệt tự. Người cùng tiền của đều sa sút, tai hại đến 4 người. Bếp sinh các chứng bệnh: khí đọng thành hòn khối, lồi ngực, lồi hông, cổ họng nghẹt, lưng đau nhức, tay chân bị ma mọt (tê xụi).

- *Lại có lời đoán theo quẻ Qui Muội như sau:* Quẻ Qui Muội, tai họa bất ngờ, tuyệt tự, người cùng lúc sức đều chẳng an. Các vụ thê thảm như: thân thể bệnh hoạn, treo cổ, chẳng khỏi chết xa quê.

Bếp số 30 - Bếp CHẤN phối với Cửa KIẾN

(Đây là Bếp Ngũ quý (đại hung).
ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Thuần Đại Tráng)

- Cửa KIẾN Kim khắc vào Bếp CHẤN Mộc thừa Ngũ quý tai họa đến con cháu trưởng, đến cả trưởng phụ (phụ nữ lớn) và ông chủ nhà. Các con cháu trưởng, đến cả trưởng phụ (phụ nữ lớn) và ông chủ nhà, bụng phù thũng đầy hơi, không muốn ăn, ăn hay bị nghẹn, đàm lao, kinh nguyệt bế tắc, vì sinh đẻ khó mà chết, làm việc ám muội, mang tiếng xấu dâm dăng trốn đi, những chuyện quý quai gây hại cho người và làm tổn thất lục súc.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Đại Tráng như sau:* Quẻ Đại Tráng, con cháu ngộ nghịch, tiểu nhi và lục súc đều chẳng yên lành, trưởng tử cùng ông cha họa hoạn liên miên, trâu dê ngựa lợn đều bị hạn xấu.

Bếp số 31 - Bếp CHẤN phối với Cửa KHÂM

(Đây là Bếp Thiên y thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Thủy Giải)

- Cửa KHÂM Thủy sinh vào Bếp CHẤN Mộc thừa Thiên y, ngoài sinh vào trong, sự may mắn đến mau, gia đình hòa thuận, tiền tài và điền sản đều thịnh vượng, sơ niên đại phú, đại quý. Nhưng vì Chấn Khâm thuần dương chẳng sinh hoá được, lại

Thiên y thổ lâm Chấn Mộc trong khắc thất vị, dùng Bếp này lâu năm sẽ bất tốt dần dần, con cháu thừa dấn, phụ nữ bị tổn hại.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Giải như sau:* Quẻ Giải, tiền tài và lục súc đều hanh thông, kẻ lớn người nhỏ đều phát đạt. Con cháu vinh hoa. Nhưng âm nhân bệnh hoạn, thương tổn, bất hạnh.

Bếp số 32 - Bếp CHẤN phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Lục sát (hung). ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Sơn Tiễn Quái)

- Bếp CHẤN khắc cửa CẤN, thiếu nam bị tổn thương, huynh đệ bất hòa. Bếp Lục sát này sinh các chứng bệnh ghê chốc, da vàng, bụng phù thũng đầy hơi, không muốn ăn, ăn hay bị nghẹn, đàm lao, kinh nguyệt bế tắc, vì sinh đẻ khó mà chết, làm việc ám muội, mang tiếng xấu dâm dăng trốn đi, những chuyện quý quai gây hại cho người và làm tổn thất lục súc.

- *Lại có lời tượng đoán theo quẻ Tiễn Quái như sau:* Tiểu Quái phát lên các chứng bệnh lao, âm nhân và trẻ nhỏ mang tai họa lớn. Trong 8 năm gia tài lụn bại phần nhiều là bởi trộm cướp gây ra.

Bếp số 33 - Bếp TỐN phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Phục vị dăng điện, ở Kinh Dịch là quẻ Bát Thuần Tốn)

- Bếp TỐN phối cửa TỐN là hai Mộc gặp nhau sinh vượng khí, lại thừa Phục vị cũng Mộc tỷ hòa dăng điện, khá tốt: phụ nữ rất đảm đang công việc nhà và tạo nên được sự nghiệp. Nhưng

vì hai Tồn thuận âm chẳng thể trưởng tấn, chẳng phát lên mãi được, nam nhân đoán thọ, về sau càng bớt số nhân khẩu dẫn đến tình trạng sống cô độc. Và hay sinh các chứng bệnh phong cuồng, tê bại, ho, suyễn (Tồn vi phong hay sinh các chứng bệnh ấy).

- *Lại có lời đoán theo quẻ Thuận Tồn như sau:* Tồn gặp Tồn thuận âm, những việc tổn hại chồng con khó nổi dương. Lại có những vụ cô quả, linh đình, những việc có hình dạng kỳ quái... bệnh suyễn, ho, tê bại, phong cuồng.

Bếp số 84 - Bếp Tồn phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Thiên y thất vị.

ở Kinh Dịch là quẻ Phong hỏa Gia nhân)

- Bếp TỒN âm Mộc sinh cửa LY âm Hỏa được cách độc Hỏa thông minh, phụ nữ sáng suốt và khéo tạo nên nhà cửa, đứng là bậc nữ trưởng phu. Bếp Thiên y: nhân nghĩa tròn đầy, người hay làm việc thiện, tiền tài chật tú, vải lụa đầy rương, ngũ cốc vun bồ... toàn là những sự vinh diệu, sáng lạ. Hiềm vì hai nữ một nhà (Tồn là trưởng nữ, Ly là trung nữ) tức thị thuận âm, Thiên y thất vị, Mộc trên bị hỏa dưới hủy hoại tận rễ và mầm non, làm mất cái đạo sinh dục (thuần âm bất hóa sinh) tất phải tuyệt tự, đành nuôi nghĩa tử làm kế thừa tự.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Gia nhân như sau:* Quẻ Gia nhân, nhà ruộng vườn cùng tư tâm rất hưng vượng, phụ nữ hiền lương, chuồng quán gia đình. Nhưng không sinh được con cái để thừa tự. Khá đề phòng hạng âm nhân có hình dạng kỳ quái.

Bếp số 35 - Bếp Tồn phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Ngụ quý (đại hung), ở Kinh Dịch là quẻ Phong Địa Quan.)

- Bếp TỒN khắc cửa KHÔN: mẹ già bị thương, trưởng phụ sinh đẻ khó, hại người phá cửa, tà ma vào nhà, các vụ quan làng và miệng tiếng nhiều nhưong. Bếp Ngụ quý này rất nguy hại, nó sinh các chứng bệnh về tỳ vị, lao dịch, bụng cổ trướng, thủy thũng, da vàng, phong cuồng, mất máu, khí nghẹn cổ họng.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Quan như sau:* Quẻ Quan phong tà, cổ nghệt, hàng lớn tuổi hay gặp việc rủi ro và đau tim, người trên kẻ dưới bất hòa và bị lăm bệnh công phạt, không con thừa tự, dương suy, âm thắng.

Bếp số 36 - Bếp Tồn phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Lục sát (hung).

ở Kinh Dịch là quẻ Phong Trạch Trung Phu.)

- Cửa ĐOÀI âm Kim với Bếp TỒN âm Mộc, hai âm hình chiến nhau cho nên hàng phụ nữ bị tổn thương. Lại âm nhiều thì âm thắng mà dương phải suy, nam nhân đoán thọ, người lớn tiêu tán, trẻ nhỏ mang bệnh tích khối (dồn chứa hòn cục trong bụng ngực). Bếp Lục sát này làm thừa thớt nhân khẩu và sinh ra các chứng bệnh đau gân cốt, phong cuồng, sinh đẻ rồi bị lao, điếc, mù, tàn tật.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Trung Phu như sau:* Quẻ Trung Phu, vì sinh đẻ mà mang bệnh, bệnh đau máu, bệnh cổ trướng, phong cuồng, dâm loạn, tiêu hết gia tài cùng sản nghiệp. Có âm tương khắc mà chẳng có dương, tai hại thay!

Bếp số 37 - Bếp TỐN phối với Cửa KIẾN

(Đây là Bếp Họa hại (hung),
ở Kinh Dịch là quẻ Phong Thiên Tiểu Súc)

- Cửa KIẾN khắc Bếp TỐN là bên ngoài khác vào trong, họa đến bất kỳ. Tốn thuộc trượng nữ bị khắc cho nên hàng phụ nữ lớn trong nhà bị tổn hại. Đây là cái Bếp làm hại cả con và tài năng, lại sinh chứng tê bại, tạp tật (hết bệnh chỗ này, tới bệnh chỗ khác), gân xương đau nhức vì khí huyết bị bế tắc, sinh đẻ chết, miệng mất méo lệch, giấy tờ quan pháp cùng trộm cướp nhiều nhương.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Tiểu Súc như sau:* Quẻ Tiểu Súc âm nhân bất lợi, yếu tử (chết non), gia súc sạch trơn, trùng thê, trùng thiếp, rồi kết cục lạnh lẽo trong cô đơn. Thật đáng than thở!

Bếp số 38 - Bếp TỐN phối với Cửa KHÂM

(Đây là Bếp Sinh khí Đương diện,
ở Kinh Dịch là quẻ Phong Thủy Hoán)

- Cửa KHÂM dưỡng Thủy sinh Bếp TỐN âm Mộc là ngoài sinh vào trong, âm dương toại hợp, lại được Sinh khí Mộc lâm Tốn tử hòa đăng diện là tượng rồng xanh hưng thái vào nhà. Thật là một cái Bếp tốt toàn diện và tốt lớn: con cháu vinh diện và sang trọng, trước mặt sau lưng đều phát đạt tiền tài, vợ hiền, con hiếu, gia đạo thuận hòa, vừa vinh hoa vừa phú quý, con gái đầy nhà, 5 trai đỗ đạt, người người tuổi thọ đều cao. Rất tốt, rất tốt.

- *Lại có lời đoán như sau:* Sinh khí lâm Tốn tử hòa tức sao Tham lang đăng diện, rất tốt vậy. Năm trai thi đỗ mừng rõ biết bao! Người phát mà tiền tài cũng phát, chẳng khá nghi. Phúc với thọ song toàn, chớ nên thay đổi khác.

Bếp số 39 - Bếp TỐN phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh (đại hung),
ở Kinh Dịch là quẻ Phong Sơn Tiềm)

- Bếp TỐN khắc cửa CẤN, con trai nhỏ chịu tai hại (vì Cấn bị khắc) và phụ nữ lớn sa thai rồi chết (vì Tốn thừa Tuyệt mệnh). Phụ nữ nắm quyền hành nhà cửa. Bếp này sinh các chứng bệnh phong cuồng, mặt vàng, da xấu xí, bụng đau các chứng bốn uất bất thông, tê bại, lao tật, bệnh cổ khí làm tim đau nhức. Nó còn sinh ra những tai hại: Hỏa hoạn, trộm cắp, quan tụng, cả người và tiền của đều tuyệt bại, tiểu nhi khó nuôi lớn, nhân khẩu trốn lánh, ly tán, bất lợi.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Tiềm như sau:* Quẻ Tiềm trốn chạy, con bỏ đi, tiểu nhi khó nuôi dưỡng, tổn hại gia tài, bệnh cổ trướng, bụng đau, phong cuồng... Thật là tam diện, tứ đảo, bại hoại!

Bếp số 40 - Bếp TỐN phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Diên niên thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Phong Lôi Ich)

- Bếp TỐN âm Mộc phối cửa CHẤN dương Mộc, âm dương toại hợp lại được cách lưỡng Mộc thành lâm. Bếp Diên niên này rất ư là thịnh mậu. Người và tiền của cả hai bên đều phát đạt,

phú quý và song toàn. Trong 6 năm ứng hiện các điều lành tốt. Gặp năm Hợi, Mão, Mùi sinh con cháu quý. Ngàn cụm tường vân (mây lành) tụ hội do cái Bếp toàn kiết này vậy.

(Chú ý: Diên niên kim lâm Tồn Mộc tương khắc là thất vị (tốt ít), nhưng không luận chỗ tương khắc thất vị mà phải luận Tồn âm Mộc gỗ còn nguyên hình chết gặp Diên niên Kim là cưa, búa, đục... dẽo chuiót thành vật quý giá. Cho nên nói là Bếp rất tốt vậy).

- **Lại có lời tượng đoán theo quẻ Ích như sau:** Quẻ Ích lưỡng Mộc thành lâm, chồng vợ ân tình, nhân nghĩa càng thêm, thêm người thêm phúc, biết bao hưng vượng. Lập nghiệp thành gia lâm toại tâm. Cha con đổ đạt cùng một khoa danh, thật có ít. Huynh đệ đồng lòng mãi mãi không phân cách. Như người mừng gặp lại quê Yên sơn, nhà tranh đối gác tía, bằng bạc nổi danh thơm.

Bếp số 41 - Bếp LY phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Phục vị đắc vị, ở Kinh Dịch là quẻ Bát Thuần Ly)

- Bếp LY Hỏa phối với cửa LY cũng Hỏa, hai Hỏa tương tể nhau (lưỡng Hỏa thành viêm) cháy sáng lên mãnh liệt. Gia đạo thịnh phát ào ào nhưng vì tính lửa không bền và sự phát đạt quá độ tất cũng không bền. Ly với Ly thuần âm tất hại dương, nam nữ chết yếu, phụ nữ cầm chế gia đình, nhân khẩu nhiều nữ ít nam, trẻ con bất lợi. Bếp này quyết sinh các chứng bệnh đàm, tê xui, ho lao, mất đồ, tim đau, đầu đau, đau máu, bệnh thuộc âm nóng hãm hãm, hoả khí xung lên miệng lưỡi nổi u nhọt, tim như bị đốt. Nó còn sinh ra các vụ thừa kiện, phỏng cháy.

- **Lại có lời đoán như sau:** Thuần âm, dùng lâu sẽ tuyệt tự, con gái và rể làm loạn trong gia đình, hàng trung nữ phá tán gia tài mà bệnh chẳng rời thân. Trên dưới vô tình, tôn ty bất nghĩa.

Bếp số 42 - Bếp LY phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Lục sát (hung), ở Kinh Dịch là quẻ Hỏa Địa Tấn)

- Bếp LY âm Hỏa phối cửa KHÔN âm Thổ, lửa đốt đất phải khô biến ra Bếp Lục sát bất lợi. Mẹ với con gái sống chung (Khôn Ly) là tượng thuần âm không có dương: nam nữ chết sớm, tiểu nhi khó nuôi. Cho tới hàng phụ nữ cũng không trường thọ. Dùng Bếp này mãi thì về sau không con thừa tự. Bếp còn sinh các chứng bệnh: đau tim, kinh nguyệt chẳng thông, công phạt tim, lao dịch, thổ huyết.

- **Lại có lời tượng đoán theo quẻ Tấn như sau:** Quẻ Tấn âm nhân gom chứa tiền của. Thuần âm tất hại dương, vợ chết lại nhiều phen lấy vợ. Trong nhà rối rối như cỏ mọc loạn nhiều thứ. Con cháu ít oi. Kết cuộc về sau phải dùng con họ khác làm kế thừa tự.

Bếp số 43 - Bếp LY phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Ngũ quý (đại hung), ở Kinh Dịch là quẻ Hỏa Trạch Khuê)

- LY Hỏa phối ĐOÀI Kim, lửa đốt chảy vàng lại thuần âm không có dương, ba hạng: Nam nhân, ấu phu, thiếu nữ đều đoản thọ. Bếp này sinh các chứng bệnh ho lao gây yếu, băng huyết, da mặt vàng khô, tiêu khát, thai hư hóa huyết. Nó còn sinh ra các sự việc nguy hại: bị các loại tà quỷ trảm mình, treo cổ nhiều, nhượng (phá hại), hỏa hoạn, trộm cướp, quan họa (tai họa về quan pháp), điền sản thoái bại, đàn bà góa chuyên quyền, người người bị tổn thương không có con để nối dòng.

- *Lại có lời tượng đoán theo quẻ Khuê như sau:* Quẻ Khuê, thể thiếp chịu thương tổn, người mang bệnh lao dịch, không con thừa tự cho nên bị con gái với chàng rể tấn nhập gia cư. Hai thân người, hao tổn lực sức và phá tán tiền bạc là ba điều bất lợi.

Bếp số 44 - Bếp LY phối với CỬA KIẾN

*(Đây là Bếp Tuyệt mệnh (đại hung).
ở Kinh Dịch là quẻ Hòa Thiên Đại Hưu.)*

- Bếp LY Hỏa khắc cửa KIẾN Kim, trước hại ông cha kế đó hại hàng trung nữ. Bệnh chứng do Bếp gây ra: hư lao, ho, suyễn, da vàng, thổ huyết, đau tê liệt, ghẻ độc, mất tât. Các sự việc hung hại: treo cổ, trầm sông nhảy giếng, phóng cháy, trộm cướp, phạm quan pháp, tà ma làm ra việc quái lạ. Hao phá tiền tài và tuyệt tự là hai điều chẳng khỏi.

- *Lại có lời tượng đoán theo quẻ Đại Hưu như sau:* Quẻ Đại Hưu, trung nữ sinh đẻ băng huyết, nghẹn ăn nấc cục, nhà cửa bại hoại, con người chết mất xác, những vụ phòng cháy và trộm cướp xen nhau đến gây lăm tai ương. Bạc trắng thương cùng ấu nhi thường hay tật bệnh.

Bếp số 45 - Bếp LY phối với CỬA KHÂM

(Đây là Bếp Diên niên thất vị. ở Kinh Dịch là quẻ Hòa Thủy Vị Tế)

- Bếp LY phối cửa KHÂM là trung nam gặp trung nữ, là tượng phu thể chính phối, lại được Diên niên tức Vũ khúc kết tinh cho nên: tiền tài rất phong phú, công danh hiển hách, con

cháu đầy nhà. Nhưng dùng Bếp này lâu năm sẽ khắc hại vợ, tim đau, mất tât. Đó là bởi Khâm Thủy với Ly Hỏa tương khắc và vì Diên niên Kim lâm Ly Hỏa, cung khắc sinh, sự phát chẳng yếu đi thì cũng không bền.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Vị Tế như sau:* Vị Tế được đạo âm dương chính phối, nhà cửa cùng sự nghiệp và tài vật đều hưng tiến. Nhưng lâu năm cung thể thọ hình khắc (*Ly bị Khâm khắc*), tim đau, mất bệnh.

(Dẫn giải : Chính phối là hai cung đồng bậc với nhau mà có đủ âm dương. Khâm thuộc dương trung nam với Ly thuộc âm trung nữ. Cấn thuộc dương thiếu nam với Đoài thuộc âm thiếu nữ. Chấn dương là cha, với Khôn thuộc âm là mẹ. Phàm hai cung chính phối tất hỗ biến được Diên niên, rất tốt, duy Ly với Khâm không bền vì Hỏa với Thủy tương khắc).

Bếp số 46 - Bếp LY phối với CỬA CẤN

(Đây là Bếp Hỏa hại (hung). ở Kinh Dịch là quẻ Hòa Sơn Lữ)

- Bếp LY phối cửa CẤN làm thành Bếp Hỏa hại. Ly lửa đốt Cấn là đất phải khô rang. Cấn ứng vào hạng thiếu niên và nhỏ tuổi chết mất. Ly ứng vào hạng trung nữ tính táo bạo, nóng nảy, hung dữ. Ly đốt Cấn là tượng âm nhân nhiều loạn mà nam nhân phải ngại sợ vậy. Bếp này sinh các chứng đầu óc hôn trầm (tối tăm), tê bại, tật mất, đại diện bốn uất, kinh mạch chẳng điều hòa, si mê, điếc lác, ngọng nghịu.

- *Lại có lời tượng đoán theo quẻ Lữ như sau:* Quẻ Lữ vợ chồng không thịnh vượng, con cháu khó nuôi tới lớn, nhân khẩu tổn thương, tiền tài chẳng hưng tiến. Con cô mẹ góa là định phận.

Bếp số 47 - Bếp LY phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Sinh khí đặc vị, ở Kinh Dịch là quê Hòa Lai Phệ Hạp.)

- Bếp LY âm Hỏa phối với Cửa CHẤN dương Mộc là âm dương toại hợp, vạn vật sinh thành, là Mộc với Hỏa tương sinh, thông minh rạng rỡ. Sinh khí Mộc lâm LY đặc vị là tượng Thanh Long vào nhà, là một cái Bếp đại phú, đại quý, tiền bạc chạy vào, của quý đưa đến. Nhất định nhà được Bếp này có bậc văn nhân, tú sĩ, khoa giáp đổ liên tục.

- *Lại có lời đoán theo quê Phệ Hạp như sau:* Phệ Hạp, lửa với sấm giao hợp nhau mà Tạo hóa được hanh thông. Con em hùng liệt hạng tướng, công, bạc vàng súc tích đầy rương tráp, tự mình chẳng biết vì đâu giàu. Chồng vợ vui mừng nói chẳng hết lời.

Bếp số 48 - Bếp LY phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Thiên Y đặc vị, ở Kinh Dịch là quê Hòa Phong Đỉnh.)

- Bếp LY âm Hỏa phối với TỐN âm Mộc là Hỏa Mộc tương sinh làm ra Bếp Thiên Y đặc vị rất tốt: phụ nữ tạo nên gia nghiệp, phước xá, điền địa, của cải đều đặn phong hậu, người trong nhà hay làm việc phúc đức. Nhưng vì LY TỐN thuần âm chẳng tướng tấn được cho nên con cháu ít oi, cô di sinh tật. Dùng Bếp này lâu năm sẽ bất lợi và sinh các chứng bệnh: phong, lao, đầu nhức, mất đỏ mà tối tâm, hay đau lặt vặt.

- *Lại có lời đoán theo quê Đỉnh như sau:* Quê Đỉnh thuần âm, lúc đầu có lợi, lúc sức hưng vượng, ruộng nhà có thêm.

Nhưng về sau con cái khó khăn, phải dùng minh linh, nghĩa tử (xin con họ khác làm con mình).

Bếp số 49 - Bếp KHÔN phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Phục vi thất vị, ở Kinh Dịch là quê Bát Thuần Khôn.)

- Bếp KHÔN phối với cửa KHÔN là hai Thổ tỷ hòa, mà Thổ thì sinh kim cho nên tiền của chất đầy nhà, phú quý có dư. Nhưng không khỏi cái hại nhiều âm mà chẳng có dương, nữ nhiều nam ít, mẹ già (Khôn) quản lý gia đình, một nhà đàn bà goá, không con thừa tự.

- *Lại có lời đoán theo quê Khôn như sau:* Quê Khôn gia tài hưng vượng, trâu, dê, ruộng nương, tơ tằm đều thành thực, trong nhà ổn thỏa, năm này qua năm khác rất bình yên. Chỉ hiềm một nỗi không con nối dõi dòng họ.

Bếp số 50 - Bếp KHÔN phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Thiên y đẳng diện, ở Kinh Dịch là quê Địa Trạch Lâm.)

- Bếp KHÔN âm Thổ phối với cửa ĐOÀI âm Kim, Thổ với Kim tương sinh lại được Thiên y tức Cự Môn thổ tinh đắc diện tiền tài cùng sản nghiệp tiến lên, nam nữ đều nhân từ và hiếu nghĩa. Nhưng Khôn gặp Đoài là tượng mẹ với con gái ở chung, là tượng thuần âm chẳng sinh hóa được, phụ nữ nắm giữ gia đình, chồng con bị khắc hại. Tóm lại, lúc đầu đại phát mà về sau lâu bất lợi.

- *Lại có lời tượng theo quẻ Lâm như sau:* Quẻ Lâm, mọi sự đều tốt, mưu sinh và động tác đều chẳng sai lầm. Chỉ vì buồn cái đạo nghĩa cùng tận ắt biến sinh ra khác, quyết đoán là cả nam lẫn nữ đều yếu và góa bụa.

Bếp số 51 - Bếp KHÔN phối với CỬA KIẾN

(*Đây là Bếp Diên niên đắc vị, ở Kinh Dịch là quẻ Địa Thiên Thái*)

- Bếp KHÔN âm Thổ phối với cửa KIẾN dương Kim, âm dương có đủ, Thổ với Kim tương sinh, lại được Diên niên đắc vị tức Vũ khúc Kim tinh được ngôi, thế của thịnh vượng, con cái thanh tú. Bậc quân tử quan nhân thì thêm chức tước cùng quan lộc, hàng thường dân thì nhà thêm đông người và tấn phát tiền tài. Thật là một cái Bếp đại kiết, đại lợi.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Thái như sau:* Khôn là Đất, Kiến là trời. Trời Đất hợp nhau mà vạn vật sinh thành và hưng thái, ấy là Quẻ Thái. Vì thế: gia đạo vinh xương, phu phụ đồng đều hiếu nghĩa và hiền lương. Người mẹ cái tạo cho trăm việc tốt lành là bởi Khôn ngộ kết tinh (Diên niên). Vậy nên: mừng tốt tới đây cửa, phúc lộc chẳng bờ ngăn.

Bếp số 52 - Bếp KHÔN phối với CỬA KHÂM

(*Đây là Bếp Tuyệt mệnh (đại hung), ở Kinh Dịch là quẻ Địa Thủy Sư*)

- Bếp KHÔN Thổ khắc cửa KHÂM Thủy, hàng trung nam thọ hại, mang bệnh thũng, da vàng rồi chết. Khôn thừa Tuyệt mệnh: mẹ già mang bệnh phong cuồng rồi cũng mạng vong. Các

chứng bệnh do Bếp: bệnh cổ trướng, kinh nguyệt chậm trễ, hư thai, bại thân, câm, điếc, thân thể gầy khô. Thật là một cái Bếp rất hung hại, khiến cho cả nam nữ điều linh, trẻ con khó còn để lớn, các vụ quan pháp cùng miệng tiếng làm rối ren, hại người, tổn lục súc... Cứ 3 năm hoặc 5 năm, từng lớp, từng lớp ứng hiện các tai họa.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Sư như sau:* Quẻ Sư, thương tổn nam lẫn nữ, đường tử bỏ đi đầu quân, tìm đâu, tề bại, bệnh hoạn đeo thân, năm này qua năm khác cứ thương nhân tổn sức (tổn hại người cùng lục súc).

Bếp số 53 - Bếp KHÔN phối với CỬA CẤN

(*Đây là Bếp Sinh khí thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Địa Sơn Khâm*)

- Bếp KHÔN âm Thổ phối cửa CẤN dương Thổ, hai Thổ có âm dương đắp nên bờ lũy. Cũng gọi là mẹ gặp con trai nhỏ (Khôn gặp Cấn) là tượng hoan hỷ, mẹ từ thiện, con hiếu kính. Lại thừa Sinh khí tức Thanh long nhập trạch, tích tụ đa số tiền tài và trân bửu. Nhưng hiểm vì Sinh khí Mộc thất vị, khắc cả Khôn và Cấn Thổ cho nên: lúc đầu thịnh vượng, lúc giữa suy dần, dùng lâu sau sinh bệnh thũng da vàng, tim bụng đau nhức.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Khâm như sau:* Quẻ Khâm, nhiều phú quý, nhiều hưng vượng, lục súc và tiền tài đều phát đạt. Hai năm hoặc năm năm khởi tạo nên gia nghiệp, lại nổi danh về thư sách và khoa giáp, người người đều dâng may tốt chẳng sai, người người đều hiển lương mà khởi làm nên nhà cửa, mẹ già luyến yêu con trẻ. Chỉ buồn vì mẫu thân bệnh chết lâu xa rồi con nhỏ mới trưởng thành.

Bếp số 54 - Bếp KHÔN phối với cửa CHẤN

(Đây là Bếp Hỏa hại (hung tảo). ở Kinh Dịch là quẻ Địa Lôi Phục)

- Cửa CHẤN Mộc khắc vào Bếp KHÔN Thổ là ngoài khắc vào trong, sự thể trọng đại, lão mẫu là chính nhân, tổn thương. Ngoài ra còn âm nhân và tiểu nhi mang u bấu ngực, phụ nữ bệnh huyết đản (da vàng), trưởng tử nghịch với mẹ và hại nhục đản em, cờ bạc, tham lam, phá gia bại sản. Lại còn sinh ra các bệnh yết hầu ung tặc (ngột), hơi độc sung lên tim, bụng dạ đầy bành trướng không còn muốn ăn uống. Chết người hết cửa là cái Bếp này.

- *Lại có lời đoán như sau:* Chấn Mộc khắc Khôn Thổ, trưởng nam là kẻ đáng sợ vì nó nghịch mẹ hại em không còn tự do. Lão mẫu (mẹ già) vì nhiều nguyên nhân mà mang bệnh huyết đản rồi chết. Tiểu nhi sinh u bấu tại sau đầu, âm nhân bị tổn thương. Ruộng, tằm, ngũ cốc trồng không chín. Trẻ con cùng lục súc đáng ngại thay. Khá thương nhân khẩu lắm phen tổn hại.

Bếp số 55 - Bếp KHÔN phối với cửa TỐN

(Đây là Bếp Ngủ quý (tại hung).
ở Kinh Dịch là quẻ Địa Phong Thăng)

- Bếp KHÔN âm Thổ bị cửa TỐN âm Mộc khắc biến thành Bếp Ngủ quý rất dữ tợn. Nó gây hại cho mẹ già nhiều nhất. Lại thuần âm khiến cho nam tử đoán thọ. Bà với cháu bất hòa. Đây là kiểu Bếp cô quả, tuyệt tự, dâm loạn mà không người chủ quyền. Các chứng bệnh sinh ra là ăn uống bị nghẹn khí, nấc cụt, phù thũng, da vàng bệch, bụng to vì thủy trướng. Lại còn những sự việc bất lợi như: tai hại về quan pháp, bóng chấy, sự hại đến

bất ngờ hại tới nhân mệnh, đạo tặc từ phương Đông Nam xâm nhập, vì các vụ nơi công môn mà phá tán tiền bạc, gây họa liên chuyển tới 4 người, tới 5 người chưa thôi. Các năm Dần, Ngọ, Tuất hoặc tới năm tuổi của người nào trong nhà thì người ấy lâm tai họa (như người tuổi Tý thì tới năm Tý gọi là năm tuổi)

- *Lại có lời tượng ứng theo quẻ Thăng như sau:* Quẻ Thăng, âm khí thịnh lên thái quá cho nên tà quỷ nhập vào nhà làm hung dữ. Một nhà quả phụ náo loạn lên như bị lửa sấy đốt đến không khốc. Đáng sợ vì Thần trong nhà chẳng yên (Thần là nói chung thần thánh, các vị được thờ phụng trong nhà).

Bếp số 56 - Bếp KHÔN phối với cửa LY

(Đây là Bếp Lục sát (hung tảo).
ở Kinh Dịch là quẻ Địa Hỏa Minh Di)

- Bếp KHÔN âm Thổ bị cửa LY âm Hỏa đốt làm cho đất khô rang, lại Khôn với Ly thuần âm cho nên "nam nhân thọ khốn", làm khiếm khuyết con cái, tổn hại nhân khẩu. Hàng trung nữ bệnh đau máu, mắt tật, tim nhức, sản lao, kinh nguyệt trời sụt bất thường. Lão mẫu bị phong cuồng, thủy thũng, huỳnh đản. Lại còn có các vụ đào tẩu (chạy trốn) của nam nữ rất bất lợi.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Minh Di như sau:* Quẻ Minh Di, gia trưởng bất lợi. Nghĩa tử và hàng dương nhân mạng vận trái sai. Âm nhân làm loạn gia tài, gây rối trong nhà. Các việc tai hại do quẻ Minh Di ứng làm bại hoại một cách mau lẹ.

Bếp số 57 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Phục vị thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Bát Thuần Đoài.)

- Bếp ĐOÀI phối của ĐOÀI là hai Kim tỷ hòa tất gia đạo hưng long. Nhưng vì Đoài thuần âm chẳng sinh hóa được, con cháu hiếm hoi, thành nhỏ mà bại lớn, thiếu phụ chuyên quyền làm rối loạn trong nhà chẳng mấy lúc được yên, hoặc sinh bệnh tật u bướu làm hại tim, dạ dày nhiễm bệnh biếng ăn.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Đoài như sau:* Cửa Đoài có phát tiền tài và sản nghiệp, hiểm vì dư âm mà không có dương tất nhà không chấn chỉnh, âm nhân nhiều loạn và chấp chương quyền hành.

Bếp số 58 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa KIẾN

(Đây là Bếp Sinh khí thất vị, ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Thiên Quyết.)

- Bếp ĐOÀI âm Kim phối của KIẾN dương Kim, âm dương toại kết hai kim tỷ hòa; gia đạo thuận hòa nhiều đẹp ý, nhân khẩu và tiền tài đều thịnh vượng, phú và quý song toàn. Bếp Sinh khí tức Thanh long nhập trạch: nhà sản xuất bạc văn nhân, tú sĩ, sinh 4 con trai thành lập vững vàng. Duy Đoài phối Kiến là tượng thiếu nữ đồng sàng với lão ông, tất vì sùng ái mà giao hết quyền hành cho vợ trẻ nắm (thất vị) mà Bếp này chỉ được liệt vào hạng Bếp tốt hạng nhì (thay vì hạng nhất).

- *Lại có lời tượng đoán theo quẻ Quyết như sau:* Quẻ Quyết, tiền tài thịnh vượng, nhà phát phúc. Lão dương (Kiến) với thiếu âm (Đoài) đồng giường, nhân đình mậu vượng (người thêm đông), gia nghiệp thịnh tiến. Nhưng vì được sùng ái (yêu mê) mà vợ thứ khinh khi người lớn.

Bếp số 59 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa KHÂM

(Đây là Bếp Họa hại (hung tảo), ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Thủy Khôn.)

- Bếp ĐOÀI Kim phối của KHÂM Thủy biến thành Bếp Họa hại. Thủy là nước chảy mài mòn Kim khí (Đoài), hàng thiếu nữ và trung nam (Khâm) chịu ảnh hưởng bất lợi vì cái Bếp này, lại người suy bại, nữ nhân băng huyết lọt thai, nam nhân thổ huyết, thủy trưởng, di tinh, tim đau nhức.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Khôn như sau:* Quẻ Khôn, tổn hại nhân đình, xảy ra nhiều việc bất ngờ phải hao tài tổn của, tật bệnh đến không chừng đối, trộm cướp và quan pháp nhiều nhưng.

Bếp số 60 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Diên niên đẳng điện, ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Sơn Hàm.)

- Bếp ĐOÀI âm Kim phối của CẤN dương Thổ là âm dương chính phối tương sinh: Vợ chồng hòa thuận, giàu có và sang trọng được cả hai, người và tài năng đều thịnh vượng. Bếp Đoài Kim thừa Diên niên Kim tỷ hòa đẳng điện, tức được Vũ Khúc Kim tinh chiếu diệu là một cái Bếp hoàn toàn tốt.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Hàm như sau:* Quẻ Hàm, núi với đầm ăn thông mạch lạc, chính phối hôn nhân, vợ chồng thuận hòa đồng là đôi lứa thiếu niên đẹp đẽ. Nữ thì chuộng điều trình khiết và từ thiện, nam thì đúng bậc tài ba đã trung lương lại rất nhân nghĩa.

Bếp số 61 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh (đại hung), ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Lôi Tụ.)

- Bếp ĐOÀI khắc cửa CHẤN Mộc, trước gây thương tổn cho trường tử và trường tôn, sau làm hại tới thiếu nữ và trưởng nữ. Người cùng tiền của đều bại tuyệt. Oan khí uất kết trong nhà, sinh các chứng bệnh cổ họng bành trướng, tim đau, lưng nhức. Lại còn có những vụ tự vận như thất cổ, trầm sông, nhảy giếng, chết cách hung tợn. Những việc bất ngờ xảy đến có án mạng khiến cho khuynh gia, bại sản. Hoàn cảnh gia đình là con cô mẹ góa, phụ nữ nắm giữ cửa nhà.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Tuyền như sau:* Quẻ Tuyền, làm thương tổn trưởng nam và trưởng nữ, quan pháp (phép quan) làm khổ lụy thân, người lâm bệnh chết. Về sau không con thừa tự, thường hay có sự bi thương, sầu thảm, trong nhà hung khí dậy lên gây nên việc chẳng lành.

Bếp số 62 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Lục sát (hung tảo), ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Phong Đại Quái.)

- Bếp ĐOÀI Kim phối cửa TỐN Mộc, Kim với Mộc hình chiến nhau sinh các chứng bệnh ho hen, phong cuồng, tim và móng đều đau nhức. Lại xảy ra các vụ tự ả (treo cổ), máu chảy, lửa cháy, trộm cắp, đâm đàng, trốn lánh. Đoài với Tốn tương khắc lại thuận âm cho nên hiểm con nối dòng, tổn hại nam nhân, thương bại phụ nữ. Đến các năm Tỵ, Dậu, Sửu thì thường sinh tai họa.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Đại Quái như sau:* Quẻ Đại Quái, trong nhà gian nan, lâm lỗi. Tổn hại số nhân khẩu chẳng chừa một người, lục súc chết mất chừng hết mới thôi. Hết thấy các tai họa đó mình sự cũng chẳng cứu được khỏi (Ý bảo phải đổi Bếp khác mới khỏi).

Bếp số 63 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Ngũ quý (đại hung), ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Hỏa Cách.)

- Cửa LY Hỏa khắc Bếp ĐOÀI Kim, trước hại phụ nữ ấu thơ, sau hàng nam nhân (thuần âm), trộm cướp phá khuấy, quan quyền làm khó, gái nhỏ rất gian nan. Các chứng bệnh xảy ra như: đau đầu, mất đỏ, tim mê mết, mất ngủ, ho lao, thổ huyết, sinh đẻ khó khăn. Cái Bếp Ngũ quý này hung hại chẳng vừa, nó khiến cho tiêu bại sản nghiệp, tuyệt tự, phạm đến sinh mạng, phụ nữ lâm loạn, gia đạo chẳng yên.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Cách như sau:* Quẻ Cách làm vấp quan hình tai họa bất ngờ, các vụ máu lửa kinh sợ, ăn uống hại thân, phụ nữ làm càn bậy, dứt hậu con cháu. Đáng thương thay một cửa tận tuyệt.

Bếp số 64 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Thuận 4 đắc vị, ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Địa Tụ.)

- Bếp ĐOÀI Kim phối cửa KHÔN Thổ là Kim với Thổ tương sinh, mẹ với con gái sống chung một nhà, mẹ già cầm cán gia

đình, tài sản một ngày một vượng. Nhà hay làm phúc thiện (tánh cách của Thiên y), mẹ quá thương yêu thiếu nữ và tiểu nhi, rất ít con cháu, trân trọng con rể.

- *Lại có lời đoán theo quẻ Tuy như sau: Quẻ Tuy tiền tài phát đạt mà con cái muộn màng. Đoàn Khôn thuần âm nên âm thắng dương suy, phụ nữ chủ tướng nam nhân thuận ý, âm nhân quản trị gia đình.*

(Chú ý: Phàm là Bếp Thiên y chẳng thuần âm thì cũng thuần dương. Vì vậy chỉ tốt lúc đầu. Nhưng Thiên y dằng diện hay đắc vị thì mới nên dùng một thời gian lối 10 năm, bằng thất vị chỉ nên dùng lối 5 năm rồi đổi qua dùng Bếp Diên niên hay Bếp Sinh khí để có đủ âm dương, phát bền hơn)



LINH QUANG BẢO ĐIỆN

www.buangai.vn

ĐD: 0918.64.64.96-0938.64.64.96

Mục Lục

Lời nói đầu.....5

PHẦN A

CÁCH CHỌN NGÀY	9
NHỊ THẬP BÁT TỬ	14
12. TRỤC	20
BÀNH TỔ KỶ NHỰT	22
KIỆT TINH	26
HUNG TINH	30
CHỌN NĂM, THÁNG, NGÀY, GIỜ	37
BẢNG TỔNG HỢP GIỜ TỐT CỦA 60 NGÀY	107
CHỌN GIỜ	108
THIỆN ẮT KIỆT THỜI	138
BỔ SUNG : KIỆT - HUNG TINH	155

PHẦN B

NHỮNG CÁCH ĐÁNH TAY THÔNG DỤNG	173
PHÉP CHỌN MÓN ĐỒ	196
CHỌN NGÀY XƯỚNG TÓC & THẦU MÓN ĐỒ	204
VỊ - SỰ PHÁP	207
Y - SỰ	210
HÔN NHÂN	213
LÀM NHÀ (TẠO ỐC)	224
AN TÁNG	236
XUẤT HÀNH	247
NHẬP TRACH AN HƯƠNG HỎA	249
AN MÓN	252
24 CUNG TRƯỜNG SINH PHÚC ĐỨC	274
TRACH TOA HƯỚNG KHAI MÓN HỘ	277
TÁC TÁO (Làm bếp)	281

PHẦN C

SỰ ỨNG NGHIỆM HỌA PHÚC CỦA 64 KIỂU BẾP	291
Bếp số 1 - Bếp KIẾN phối với Cửa KIẾN	292
Bếp số 2 - Bếp KIẾN phối với Cửa KHÂM	292
Bếp số 3 - Bếp KIẾN phối với Cửa CÁN	293
Bếp số 4 - Bếp KIẾN phối với Cửa CHẤN	293
Bếp số 5 - Bếp KIẾN phối với Cửa TỐN	294
Bếp số 6 - Bếp KIẾN phối với Cửa LY	294
Bếp số 7 - Bếp KIẾN phối với Cửa KHÔN	295
Bếp số 8 - Bếp KIẾN phối với Cửa ĐOÀI	296
Bếp số 9 - Bếp KHÂM phối với Cửa KHÂM	296
Bếp số 10 - Bếp KHÂM phối với Cửa CÁN	297
Bếp số 11 - Bếp KHÂM phối với Cửa CHẤN	297
Bếp số 12 - Bếp KHÂM phối với Cửa TỐN	298
Bếp số 13 - Bếp KHÂM phối với Cửa LY	298
Bếp số 14 - Bếp KHÂM phối với Cửa KHÔN	299
Bếp số 15 - Bếp KHÂM phối với Cửa ĐOÀI	299
Bếp số 16 - Bếp CÁN phối với Cửa KIẾN	300
Bếp số 17 - Bếp CÁN phối với Cửa KHÂM	300
Bếp số 18 - Bếp CÁN phối với Cửa CÁN	301
Bếp số 19 - Bếp CÁN phối với Cửa TỐN	301
Bếp số 20 - Bếp CÁN phối với Cửa LY	302
Bếp số 21 - Bếp CÁN phối với Cửa KHÔN	302
Bếp số 22 - Bếp CÁN phối với Cửa ĐOÀI	303
Bếp số 23 - Bếp CÁN phối với Cửa KIẾN	304
Bếp số 24 - Bếp CÁN phối với Cửa KHÂM	305
Bếp số 25 - Bếp CHẤN phối với Cửa CHẤN	306
Bếp số 26 - Bếp CHẤN phối với Cửa TỐN	306
Bếp số 27 - Bếp CHẤN phối với Cửa LY	307
Bếp số 28 - Bếp CHẤN phối với Cửa KHÔN	307
Bếp số 29 - Bếp CHẤN phối với Cửa ĐOÀI	307
Bếp số 30 - Bếp CHẤN phối với Cửa KIẾN	308
Bếp số 31 - Bếp CHẤN phối với Cửa KHÂM	308

LINH QUANG BẢO ĐIỂN
 PHÒNG QUẢN LÝ VĂN BẢN
 ĐỀ 018 QUẢN 4.2b.0938.64.64.96
 PHÒNG QUẢN LÝ VĂN BẢN

Bếp số 32 - Bếp CHẤN phối với Cửa CÁN	309
Bếp số 33 - Bếp TỐN phối với Cửa TỐN	309
Bếp số 34 - Bếp TỐN phối với Cửa LY	310
Bếp số 35 - Bếp TỐN phối với Cửa KHÔN	311
Bếp số 36 - Bếp TỐN phối với Cửa ĐOÀI	311
Bếp số 37 - Bếp TỐN phối với Cửa KIẾN	312
Bếp số 38 - Bếp TỐN phối với Cửa KHÂM	312
Bếp số 39 - Bếp TỐN phối với Cửa CÁN	313
Bếp số 40 - Bếp TỐN phối với Cửa CHẤN	313
Bếp số 41 - Bếp LY phối với Cửa LY	314
Bếp số 42 - Bếp LY phối với Cửa KHÔN	315
Bếp số 43 - Bếp LY phối với Cửa ĐOÀI	315
Bếp số 44 - Bếp LY phối với Cửa KIẾN	316
Bếp số 45 - Bếp LY phối với Cửa KHÂM	316
Bếp số 46 - Bếp LY phối với Cửa CÁN	317
Bếp số 47 - Bếp LY phối với Cửa CHẤN	318
Bếp số 48 - Bếp LY phối với Cửa TỐN	318
Bếp số 49 - Bếp KHÔN phối với Cửa KHÔN	319
Bếp số 50 - Bếp KHÔN phối với Cửa ĐOÀI	319
Bếp số 51 - Bếp KHÔN phối với Cửa KIẾN	320
Bếp số 52 - Bếp KHÔN phối với Cửa KHÂM	320
Bếp số 53 - Bếp KHÔN phối với Cửa CÁN	321
Bếp số 54 - Bếp KHÔN phối với cửa CHẤN	322
Bếp số 55 - Bếp KHÔN phối với Cửa TỐN	322
Bếp số 56 - Bếp KHÔN phối với Cửa LY	328
Bếp số 57 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa ĐOÀI	328
Bếp số 58 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa KIẾN	329
Bếp số 59 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa KHÂM	329
Bếp số 60 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa CÁN	330
Bếp số 61 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa CHẤN	330
Bếp số 62 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa TỐN	331
Bếp số 63 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa LY	332
Bếp số 64 - Bếp ĐOÀI phối với Cửa KHÔN	332

TRẠCH NHẬT

Tuệ Minh - VÕ VĂN BA biên dịch

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú - P. Ba Đình - TP. Thanh Hóa

ĐT: (0373) 720.399 - 722.347 - 723.797 - Fax: (0373) 853.548

Email: nxbthanhhoa@yahoo.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI CAO TIÊU

: PHẠM KHANG
: QUANG MINH
: ÁI THU
: ĐÌNH KHẢI

LINH QUANG BẢO ĐIỆN
www.buanguai.vn
ĐT: 0918.64.64.96-0938.64.64.96

Thực hiện liên doanh:

CÔNG TY VĂN HÓA HƯỚNG TRANG
Nhà Sách QUANG MINH
116 Nguyễn Thị Minh Khai - Phường 5 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 84.81.8222565 - 8340990 X FAX: 84.81.8343457 - 8340990
Email: quangminhbooks@ctvl.vn
http://www.quangminhbooks.com

LINH QUANG BẢO ĐIỆN
www.buanguai.vn
ĐT: 0918.64.64.96-0938.64.64.96

In: 8000 cuốn, 008884.64.64.96
57-2007/CXB/97-443/Thanh, ngày 9.1.2008 và QĐXB số: 189/QĐ-Thanh,
ngày 25.03.2008. In xong và nộp lưu chiểu Quý III - 2008.

GIÁ: 66.000 đồng



**DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ
HỖ TRỢ XUẤT BẢN**
UY TÍN - CHẤT LƯỢNG

